

## SỰ CHI VIỆN CỦA MIỀN BẮC ĐỐI VỚI MIỀN NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

PGS, TS NGUYỄN TRONG PHÚC\*

Theo Hiệp định Giơnevơ (7-1954), Việt Nam tạm thời chia làm hai miền; sau 2 năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Tuy nhiên, từ lâu đế quốc Mỹ đã mưu đồ thay thế Pháp trên địa bàn chiến lược Đông Dương. Sau thất bại của quân Pháp ở Điện Biên Phủ (7 - 5 - 1954), Mỹ càng đẩy mạnh việc thực hiện mưu đồ đó. Ngày 16-6-1954, với sự đạo diễn của Mỹ, Ngô Đình Diệm được cử làm Thủ tướng của chính quyền Bảo Đại. Sau khi Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực, ngày 9-10-1954 đơn vị quân đội Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội, ngày 13-5-1955 rút khỏi Hải Phòng. Miền Bắc hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược.

Trong khi quá trình chuyển quân tập kết về 2 miền còn đang diễn ra thì ngày 8-9-1954, tại Manila, Mỹ lập ra Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) gồm 8 thành viên: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Pakixtan, Thái Lan, Philippin, Ôxtrâylia, Niu Dilân và đặt chế độ miền Nam dưới ô bảo trợ của tổ chức đó. Ngày 4-3-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức tổng tuyển cử riêng rẽ ở miền Nam để lập quốc hội, thông qua hiến pháp của Việt Nam cộng hoà. Ngày 28-4-1956, quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi miền Nam. Ngày 26-7-1956, Phó tổng thống Hoa Kỳ R. Nixon thăm Sài Gòn. Mỹ đã hoàn tất quá trình thay thế thực dân Pháp ở miền Nam Việt Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm do Mỹ dựng lên đã cự tuyệt hiệp thương với miền Bắc để thực hiện tổng tuyển cử thống nhất đất nước; ra sức đàn áp những người yêu nước và kháng chiến ở miền Nam.

Cách mạng miền Nam phải chịu những tổn thất nặng nề, con đường đi đến thống nhất đất nước đứng trước thách thức cực kỳ nghiêm trọng.

Từ thực tiễn của yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam, NQTƯ 15 (năm 1959) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã xác định đường lối của cách mạng miền Nam: sử dụng bạo lực cách mạng để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Để hoàn thành sự nghiệp to lớn đó, Đảng xác định: Từ sau năm 1954, cách mạng Việt Nam phải đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng, cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc. Hai chiến lược đó có quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau. Đảng sớm khẳng định vai trò có ý nghĩa quyết định của căn cứ địa, hậu phương miền Bắc đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Ý chí, quyết tâm thống nhất đất nước được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong Diễn văn chúc mừng năm mới ngày 1-1- 1955: "Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được"<sup>1</sup>. Tại HNTƯ 7 Khóa II, ngày 3-3-1955, Người cũng đưa ra chủ trương "củng cố miền Bắc về mọi mặt, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh công tác ở miền Nam"<sup>2</sup>. Đại hội III của Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ: "... củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà"<sup>3</sup>.

Thực hiện đường lối của Đảng, miền Bắc trong khi ra sức khôi phục kinh tế những năm 1954-1957, tiến hành cải tạo XHCN từ 1958, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH, phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời

\* Viện trưởng Viện lịch sử Đảng, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

sống nhân dân, đã chú trọng nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam. Năm 1959, những lớp cán bộ, chiến sĩ đầu tiên đã từ miền Bắc vượt Trường Sơn vào Nam, hình thành đường mòn Hồ Chí Minh và tiếp đó hình thành con đường chi viện trên biển.

Sau Đồng khởi (1960), chứng kiến sự thất bại của âm mưu và thủ đoạn thực hiện một kiểu chủ nghĩa thực dân mới điển hình ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt", tăng cường viện trợ, xây dựng chính quyền và đội quân tay sai, thực hiện quốc sách gom dân lập "ấp chiến lược", đánh phá quyết liệt cách mạng miền Nam. Tình hình đó đặt cách mạng miền Nam trước những thách thức nặng nề. Con đường phát triển là phải tiến hành chiến tranh cách mạng mới có thể giành được thắng lợi. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, Trung ương Đảng, Xứ uỷ và sau đó là Trung ương Cục miền Nam chủ trương đẩy mạnh đấu tranh vũ trang; xây dựng lực lượng vũ trang giải phóng; xây dựng, phát triển vùng căn cứ địa, vùng giải phóng và thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam để nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết, tập hợp lực lượng của toàn dân và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. Sự phát triển của chiến tranh cách mạng chống "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam đòi hỏi miền Bắc phải chi viện sức người, sức của.

Ngày 21-1-1961, Bộ chính trị ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Chỉ thị nêu rõ: "... miền Bắc ngày càng trở nên là chỗ dựa và là căn cứ địa vững chắc cho cách mạng giải phóng miền Nam và càng có tác dụng quyết định đối với sự nghiệp hoà bình thống nhất nước nhà"<sup>4</sup>. Sự phát triển của chiến tranh cách mạng ở miền Nam là sự nghiệp chung của cả nước. Sự chi viện của miền Bắc ngày càng tăng theo sự phát triển của công cuộc giải phóng. Ở cuối những năm chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt", sự chi viện đó phát triển nhanh. Từ tháng 2 đến tháng 12 - 1964, riêng bộ đội hải quân đã vận chuyển 4920 tấn hàng hoá, vũ khí cho chiến trường Nam Bộ và 171 tấn cho Khu V.

Năm 1965, thất bại trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ" chống nhân dân Việt Nam, và từ năm 1969 tiến hành chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh". Mười năm (1965-1975) là thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra ác liệt. Cùng với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã phát động chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc hòng chặn đứng sự chi viện của miền Bắc. Đánh thẳng vào hậu phương lớn miền Bắc là đòn đánh có tính toán ác hiểm của đế quốc Mỹ. Sau sự kiện 5-8-1964, ngày 7-2-1965 Mỹ ồ ạt đánh phá miền Bắc. Trước tình hình mới, HNTƯ 11 (tháng 3 - 1965) đã ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Nghị quyết xác định: miền Bắc phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng, "Ra sức chi viện cho miền Nam; tích cực giúp đỡ cách mạng Lào"<sup>5</sup>, tập trung sức mạnh của cả nước để đánh bại đế quốc Mỹ. "Do đó, đối với miền Bắc, việc làm có tầm quan trọng quyết định là phải tích cực chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở miền Nam"<sup>6</sup>.

HNTƯ 12 Khoá III, tháng 12 - 1965, xác định: "Miền Bắc phải động viên sức người, sức của đến mức cao nhất"; "miền Bắc là nguồn dự trữ lực lượng to lớn nhất đối với miền Nam". Hội nghị khẳng định: "Miền Nam là tiền tuyến lớn, là chiến trường chính hiện nay. Miền Bắc là hậu phương lớn của miền Nam... chúng ta phải động viên sức người, sức của để tăng cường chi viện miền Nam, thực hiện khẩu hiệu *Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược*"<sup>7</sup>. Để có thể tăng cường chi viện cho miền Nam, miền Bắc phải vừa sản xuất, vừa chiến đấu, xây dựng tiềm lực kinh tế và quốc phòng. Chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với điều kiện có chiến tranh, ra sức xây dựng miền Bắc vững mạnh cả về kinh tế và quốc phòng. Trong bất cứ tình huống nào cũng phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp. Động viên toàn dân tích cực tăng gia sản

xuất, thực hành tiết kiệm để bảo đảm nhu cầu của nhân dân, nhu cầu của quốc phòng và nhu cầu chi viện miền Nam. Phải xây dựng lực lượng vũ trang mạnh về số lượng và chất lượng để vừa bảo vệ miền Bắc vừa chi viện cho miền Nam. Để tăng cường chi viện miền Nam, vấn đề mấu chốt là phải bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trên những tuyến đường chiến lược quan trọng, giữ vững những con đường chi viện cho miền Nam. Theo tinh thần Nghị quyết, đường mòn Hồ Chí Minh đã phát triển thành hệ thống đường chiến lược Trường Sơn lịch sử. Vận tải trên bộ, trên biển và hệ thống ống dẫn xăng dầu tạo thành hệ thống đường vận tải thần kỳ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong kháng chiến chống Mỹ, lực lượng thanh niên xung phong với 180.000 người, trong đó riêng miền Bắc là 175.000 người, đã mở hơn 100 con đường với tổng chiều dài 4000 km, bảo đảm giao thông ngày đêm trên 3000 km đường, trong đó có 2526 trọng điểm địch đánh phá thường xuyên.

Từ 1959 đến 1975, bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh, với tinh thần đánh địch mà đi, mở đường mà tiến, đã mở 5 hệ thống đường trục dọc, 21 đường trục ngang nối liền các chiến trường dài gần 17.000 km; 3.140 km đường kín cho xe chạy ban ngày, 3000 km đường giao liên, gần 1.300 km đường thông tin tải ba; 14.000 km đường thông tin hữu tuyến và thiết bị tiếp sức; 1400 km đường ống xăng dầu; bảo đảm vận chuyển hàng trên đường sông có chiều dài 500 km; đã vận chuyển 1.400.000 tấn hàng hoá, vũ khí; 5.500.000m<sup>3</sup> xăng dầu từ hậu phương miền Bắc ra tiền tuyến. Để đưa được 1000 tấn hàng ra tiền tuyến, trung bình bộ đội Trường Sơn phải chịu tổn thất không nhỏ: 21 người hy sinh, 57 người bị thương, 25 ô tô và 143 tấn hàng bị phá huỷ. Điều đó cho thấy tính chất ác liệt của tuyến đường Trường Sơn và sự hy sinh lớn lao của bộ đội Trường Sơn.

Để chuẩn bị cho cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) và cuộc tiến công chiến lược Xuân-Hè 1972, quy mô và yêu cầu chi viện tiền tuyến tăng lên gấp bội. Trong cuộc chiến tranh phá hoại những

năm 1964 - 1968, Mỹ đã tàn phá miền Bắc với 8 triệu tấn bom. Nhưng nhân dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu với tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, vẫn tăng cường chi viện cho miền Nam, bảo đảm cho tiến tuyến đánh thắng hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966, 1966-1967 và thực hiện tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

Sau tháng 11-1968, cuộc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ngày càng đòi hỏi sự chi viện to lớn của miền Bắc. Tranh thủ thuận lợi không còn chiến tranh phá hoại, miền Bắc tích cực khôi phục và phát triển, tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam. HNTƯ 18 (tháng 1-1970) xác định rõ nhiệm vụ của miền Bắc: Tiếp tục khẩn trương xây dựng CNXH, có kế hoạch làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, đồng thời sẵn sàng chiến đấu đánh bại âm mưu mở rộng chiến tranh của địch. Hàng chục vạn thanh niên miền Bắc tham gia quân đội, thanh niên xung phong và ra chiến trường. Các đợt tuyển quân đều vượt mức kế hoạch với tinh thần "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"; 82% thanh niên gia nhập quân đội là đoàn viên thanh niên, 5% là đảng viên; hầu hết đều có trình độ văn hoá cấp 2, cấp 3, nhiều người là sinh viên đại học. Từ 1969 - 1971, miền Bắc đã đưa vào Nam gần 20 vạn bộ đội. Ngoài ra còn đưa 2-3 sư đoàn vào hoạt động ở chiến trường Trị - Thiên và Đường số 9 trong một thời gian rồi lại trở về hậu phương củng cố. Bộ đội Trường Sơn (Đoàn 559) cũng được tăng cường. Cuối năm 1970, Đoàn 559 có 70.000 quân, đến năm 1971 đã tăng lên đến 90.000 quân.

Hệ thống đường ống dẫn xăng dầu từ miền Bắc vào Nam năm 1970 là 500 km, đến cuối năm 1971 đã phát triển lên gần 1000 km. Nhờ có tuyến đường ống đó, trong mùa khô 1970-1971, khối lượng xăng dầu vận chuyển vào Nam đã tăng gấp 10 lần mùa khô 1969-1970. Việc vận chuyển cơ giới cũng được đẩy mạnh, năm 1969 là 2 vạn tấn, năm 1970 là 4 vạn tấn và năm 1971 đạt 6 vạn tấn. Lực lượng vật chất đó có ý nghĩa to lớn đối với cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Từ ngày 6-4-1972, miền Bắc phải đối đầu với chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, đỉnh cao nhất là cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng cuối tháng 12-1972. Thắng lợi của trận "Điện Biên Phủ trên không" tỏ rõ sức mạnh của miền Bắc XHCN. Trong thử thách nặng nề đó, miền Bắc vẫn không ngừng gửi người và của vào miền Nam.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết (27-1-1973), từ thực tế chiến trường, HNTƯ 21 (tháng 7-1973) xác định con đường tất yếu vẫn là sử dụng bạo lực cách mạng để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Để đi đến thắng lợi hoàn toàn, phải động viên cao độ sức mạnh của cả nước. Yêu cầu chi viện cho các chiến trường ở miền Nam càng lớn.

Theo quan điểm chỉ đạo của NQTƯ 21, những năm 1973 - 1974 quân dân ta đã tiến hành chuẩn bị mọi mặt trên các chiến trường để đi đến thắng lợi quyết định. Hậu phương miền Bắc đã được huy động tối đa để chi viện cho tiền tuyến. Việc bổ sung quân số cho chiến trường miền Nam đặt ra rất khẩn trương. Năm 1973 là 1.053.000; năm 1974: 1.033.192 và năm 1975: 1.234.854 người; vũ khí, quân trang, thuốc men... cũng chủ yếu được đưa từ miền Bắc vào.

Trong cuộc tổng tiến công chiến lược làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, sự chi viện sức người sức của của miền Bắc lên đến mức cao nhất. Bộ chính trị xác định: Để bảo đảm giành toàn thắng cho trận quyết chiến lịch sử này, cần động viên lực lượng cả nước, đáp ứng mọi yêu cầu cho các chiến trường trọng điểm. Trung ương Đảng và Chính phủ đã quyết định thành lập Hội đồng chi viện chiến trường do đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Thanh Nghị phụ trách.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với vai trò của hậu phương tại chỗ ở miền Nam, vai trò chi viện sức người, sức của của hậu phương lớn miền Bắc có ý nghĩa quyết định thắng lợi trên tiến tuyến lớn miền Nam. Chi viện sức người lớn nhất là lực lượng quân đội, bên cạnh đó còn lực lượng an ninh, cán bộ các

ngành giáo dục, y tế, tuyên huấn, báo chí và cả đội ngũ văn nghệ sĩ,... Đó là nét độc đáo trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội IV của Đảng (12-1976) khẳng định: "Không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, suốt mười sáu năm qua, luôn luôn cùng một lúc phải làm hai nhiệm vụ chiến lược... miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước"<sup>8</sup>.

Miền Bắc hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn là nhờ miền Bắc có sức mạnh của chế độ XHCN với quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất tiến bộ. Đã xoá bỏ các giai cấp bóc lột và chế độ người bóc lột người; cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH được xây dựng một bước; sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao phát triển nhanh; an ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân ổn định và có nhiều mặt được cải thiện. "Những thành tựu to lớn ấy đã đạt được trong hoàn cảnh miền Bắc phải đánh trả hai lần chiến tranh phá hoại ác liệt, phải tập trung sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam và gánh vác nghĩa vụ quốc tế. Điều đó chứng tỏ tinh ưu việt và sức mạnh vô địch của chủ nghĩa xã hội"<sup>9</sup>. Sức mạnh của chế độ chính trị tiến bộ và ưu việt có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong chiến tranh cách mạng. Chế độ chính trị đó cho phép động viên tối đa sức người, sức của cho tiền tuyến.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đó là đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc, nhằm mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân

dân trong cả nước, hoàn thành thống nhất nước nhà, tạo điều kiện đưa cả nước tiến lên CNXH. "Với đường lối ấy, Đảng ta đã động viên được đến mức cao nhất lực lượng nhân dân hùng hậu cả nước, kết hợp tiên tuyến lớn với hậu phương lớn, kết hợp sức mạnh nhân dân ta với sức mạnh ba dòng thác cách mạng của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ"<sup>10</sup>. Cần phải nhấn mạnh rằng, sức mạnh của miền Bắc chi viện sức người sức của đối với miền Nam là sức mạnh của khát vọng độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Đó là khát vọng thiêng liêng của mọi người Việt Nam, dù trực tiếp chiến đấu ở miền Nam hay vừa sản xuất vừa chiến đấu xây dựng và bảo vệ miền Bắc. Cùng với nhân dân miền Nam, nhân dân miền Bắc ghi nhớ và quyết tâm thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không có gì quý hơn độc lập, tự do.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống được nhân dân miền Bắc phát huy cao độ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó cũng là thành quả của công tác tư tưởng, giáo dục truyền thống yêu nước và lý tưởng cách mạng của Đảng và Nhà nước ta. Mọi người dân miền Bắc đều ý thức đầy đủ trách nhiệm đối với tiên tuyến lớn miền Nam. Khẩu hiệu hành động là tất cả vì miền Nam ruột thịt, sẵn sàng chi viện và chia lửa với miền Nam. Tình cảm đối với miền Nam là tình cảm cao đẹp, thiêng liêng và đã trở thành sức mạnh vật chất to lớn, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của cả dân tộc.

## QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN...

(Tiếp theo trang 5)

Như vậy, tính quốc tế của đảng không tách rời tính dân tộc, được thể hiện ở địa bàn dân tộc, ở sự ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của GCCN, các tầng lớp nhân dân lao động tại các nước khác vì sự tiến bộ xã hội.

9. *Xây dựng đảng thực sự là lực lượng lãnh đạo nhà nước và các đoàn thể quần chúng.* Trong điều kiện có chính quyền, phải xây dựng đảng đủ sức nắm chính quyền và dẫn dắt toàn dân tiến lên CNXH, đủ sức lãnh đạo và tổ chức một chế độ mới... Muốn vậy, trước tiên đảng phải có cương lĩnh, đường lối chính trị đúng đắn. Không có cương lĩnh, đường lối dựa trên sự đánh giá tình hình chính trị và giải đáp chính xác được những vấn đề thời đại, thì có thể có một "tiểu tổ các nhà lý luận" nhưng không thể có được một lực lượng chính trị hành động.

Đảng phải nắm công tác cán bộ, đưa cán bộ của đảng vào trong bộ máy nhà nước, đặc biệt là các chức vụ quan trọng. Đảng lãnh đạo nhà nước bằng công tác kiểm tra các hoạt động của nhà nước nhằm triển khai, thực hiện các nghị quyết của đảng. Đối với các đoàn thể quần chúng, đảng lãnh đạo bằng đường lối và thông qua các đảng viên trong đoàn thể.

Thực hiện các nguyên tắc xây dựng đảng, theo V.I.Lênin là sự bảo đảm vững chắc cho đảng là hiện thân của sự kết hợp lý luận cách mạng với phong trào cách mạng, là lực lượng chính trị hành động trong thực tế, đủ sức dẫn dắt nhân dân lao động và toàn dân tộc tiến lên CNXH.

1, 13. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M, 1981, T.31, tr.19, 207

2. *Sđđ*, T. 12, tr. 173

3. *Sđđ*, T. 6, tr. 32

4. *Sđđ*, T. 4, tr. 232

5. *Sđđ*, T. 14, tr. 324

6. *Sđđ*, T. 36, tr. 186-187

7, 8, 9. *Sđđ*, T. 8, tr. 288-289, 292, 297

10. *Sđđ*, T. 41, tr. 33

11. *Sđđ*, T. 39, tr. 52

12. *Sđđ*, T. 42, tr. 269

1, 2. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.7, tr.429

3. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.21, tr.922

4. *Sđđ*, T.22, tr.152

5, 6, 7. *Sđđ*, T.26, tr.113, 602, 644-645

8, 9, 10. ĐCS Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, ST, H, 1977, tr.28-29, 15, 11-12